

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

THÔNG TIN TÓM TẮT
Đề nghị xét chọn Nhà giáo tiêu biểu năm 2026

STT	Thông tin nhà giáo	Tóm tắt thành tích
1	Họ và tên: Lê Thị Thùy Vinh Năm sinh: 1985 Giới tính: Nữ Dân tộc: Kinh Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng Khoa, Khoa Ngữ văn. Nơi công tác: Trường ĐHSP Hà Nội 2 Trình độ, chuyên ngành đào tạo: Tiến sĩ Ngôn ngữ học Học hàm, học vị: PGS.TS Điện thoại, email: 0982058702 lethithuyvinh@hpu2.edu.vn	1. Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống: -Luôn giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, trung thành với đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Không ngừng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của tập thể, sự nghiệp giáo dục lên trên lợi ích cá nhân. -Có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, lối sống giản dị, lành mạnh, gần gũi với đồng nghiệp và học trò. Luôn giữ vững vai trò là tấm gương sáng về sự tự học, trung thực và trách nhiệm. 2. Uy tín về chuyên môn, ảnh hưởng rộng rãi trong ngành, lĩnh vực hoặc cấp tỉnh -Luôn nỗ lực kết hợp nhuần nhuyễn giữa hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành CNSP Ngữ văn và CN Việt Nam học -Về chuyên môn và học thuật: là tác giả/đồng tác giả của nhiều công trình khoa học được cộng đồng học thuật đánh giá cao. Luôn cập nhật các xu hướng tri thức mới nhất giúp sinh viên tiệm cận với thực tiễn ngành nghề. -Về sức ảnh hưởng: Tôi thường xuyên được mời làm thành viên hội đồng đánh giá, phản biện các đề tài khoa học, luận án, luận văn chuyên ngành Ngôn ngữ học. Tôi tích cực tham gia các hội thảo khoa học cấp quốc gia/quốc tế, góp phần xây dựng uy tín cho khoa và nhà trường. -Về đào tạo và bồi dưỡng: Là giảng viên chủ chốt, tôi đã đề xuất chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy

	về tiếng Việt trong nhà trường phổ thông đồng thời dành nhiều tâm huyết trong việc cố vấn, định hướng lộ trình học tập và phát triển nghề nghiệp cho sinh viên. 3.Thành tích tiêu biểu, nổi trội, xuất sắc trong nuôi dạy, giảng dạy, giáo dục, quản lý trong 05 năm liền kề 3.1. Đề tài KHCN cấp Bộ, sáng kiến cấp Bộ -Nghiệm thu 01 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ học đường trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay” (Mã số:B.2021.SP2.01) (chủ nhiệm đề tài) ngày 4/1/2024 - Xếp loại: Đạt - Là tác giả của 04 sáng kiến cấp Bộ (2935/QĐ-BGDĐT) (2020 – 2021) -Là tác giả của 01 sáng kiến cấp Bộ (2021-2022) -Là tác giả của 02 sáng kiến cấp Bộ (2022 – 2023) -Là tác giả của 01 đề tài khoa học được công nhận cấp Bộ (2023-2024) 3.2. Đề tài khoa học cấp cơ sở, sáng kiến cấp cơ sở, bài báo khoa học Đề tài KHCN cấp cơ sở -Đã nghiệm thu 01 đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở (chủ nhiệm đề tài); 01 đề tài KHCN cấp Bộ (thành viên), 01 đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở (thành viên). - Đang triển khai 01 đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở (chủ nhiệm đề tài), 01 đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở (thành viên), 01 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở (thành viên) -Công bố 03 chuyên khảo (viết một mình), 01 tham khảo (viết một mình), 02 tham khảo (đồng chủ biên), 01 giáo trình (viết chung) 01 giáo trình (đồng chủ biên – đang triển khai), 01 giáo trình (viết chung – đang triển khai), 11 tham khảo (viết chung) Sáng kiến cấp cơ sở - Năm học 2020 – 2021: Là tác giả của 07 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở (QĐ số 1119 ngày 9 tháng 8 năm 2021) - Năm học 2021 – 2022: Là tác giả của 06 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở
--	---

	- Năm học 2022 – 2023: Là tác giả của 08 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở (QĐ số 1455 ngày 14 tháng 7 năm 2023) - Năm học 2023 – 2024: Là tác giả của 09 sáng kiến cấp cơ sở (theo QĐ 1749/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 8 năm 2024), 01 đề tài khoa học cấp cơ sở (theo QĐ1750/ QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 8 năm 2024). - Năm học 2024-2025: là tác giả của 07 sáng kiến cấp cơ sở. Bài báo khoa học -Công bố 05 bài báo quốc tế uy tín (Scopus, ESCI) (04: viết một mình; 01: tác giả chính); 19 bài báo quốc tế thường (07: viết một mình; 10: tác giả chính, 35 bài báo trong nước. (32: viết một mình; 03: tác giả chính) Thành tích khác: -Hướng dẫn SV NCKH: Hướng dẫn 03 sinh viên thực hiện thành công đề tài NCKH cấp Trường; 04 SV đạt giải thưởng NCKH cấp Trường - Hướng dẫn 10 học viên bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ. - Hướng dẫn 35 sinh viên bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp - Giờ lao động: 2020-2021: thực hiện: 499,3 giờ (vượt chuẩn 229,3 giờ) 2021-2022: thực hiện 761,4 giờ vượt chuẩn 521,4 giờ) 2022-2023: thực hiện 791 giờ, vượt chuẩn 551 giờ) 2023-2024: thực hiện 662,3 giờ, vượt chuẩn: 494,3 giờ) 2024-2025: thực hiện 665,5 giờ, vượt chuẩn: 455,5 2025-2026: thực hiện - Giờ nghiên cứu khoa học: 2020-2021: thực hiện 1743,61, vượt chuẩn 1658,61 2021-2022: thực hiện 1070,63, vượt chuẩn 970,63 2022-2023: thực hiện 1353,56, vượt chuẩn 1225,56 2023-2024: thực hiện 1541,83, vượt chuẩn 1429,83 2024-2025: thực hiện 937,33; vượt chuẩn 737,33
--	---

	2025-2026: thực hiện 1235; vượt chuẩn 1035 4. Thành tích tiêu biểu, nổi trội, xuất sắc về hoạt động đoàn thể, xã hội, phục vụ công cộng. -Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Khoa tổ chức nhiều hoạt động, phong trào để xây dựng khối đoàn kết nội bộ. -Tích cực tham gia các hoạt động Công đoàn như tham gia báo cáo tại Hội thảo “Vai trò của công đoàn trong văn hóa ứng xử học đường” Khối thi đua số 3; Tham gia Hội thảo “Chuyển động số của các trường trong cuộc cách mạng 4.0” của Khối thi đua số 3. -Nhiều năm liên tục đều đạt danh hiệu “Giỏi việc trường – đảm việc nhà” cấp cơ sở. 5. Một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp tiêu biểu trong 05 năm liền kề. 5.1. Danh hiệu thi đua a) Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Năm học 2021 – 2022: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ theo Quyết định số: 3105/QĐ- BGDĐT Ngày 20/10/2022 b) Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Năm học 2020-2021: chiến sĩ thi đua cơ sở. Năm học 2021-2022: chiến sĩ thi đua cơ sở Năm học 2022-2023: chiến sĩ thi đua cơ sở Năm học 2023-2024: chiến sĩ thi đua cơ sở Năm học 2025-2026: chiến sĩ thi đua cơ sở (đang đề nghị) 5.2. Hình thức khen thưởng -Giấy khen của Hiệu trưởng do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025, 2025-2026 (đang đề nghị) - Bằng khen đạt giải Nhất nội dung thi Hùng biện và Kế hoạch thiết kế hoạt động giáo dục cộng đồng Hội thi GV giỏi NVSP toàn quốc lần thứ nhất năm 2020 do Bộ trưởng Bộ GD và ĐT tặng. -Bằng khen của Bộ GD&ĐT(QĐ4071/QĐ-BGDĐT) năm 2021. -Bằng khen của Bộ GD&ĐT (Số 4324 ngày 15/12/2023) năm 2023. -Danh hiệu giảng viên giỏi NVSP do Bộ trưởng Bộ GD và ĐT tặng (Quyết định số 3710/ QĐ – BGDĐT
--	--

		ngày 14/11/2020) -Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (Quyết định số 3077/QĐ-TLĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021)
--	--	--

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 21 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị xét chọn Nhà giáo tiêu biểu năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: LÊ THỊ THÙY VINH
2. Sinh ngày, tháng, năm: 06-10-1985 Giới tính: Nữ
3. Dân tộc: Kinh
4. Nơi công tác: Trường ĐHSP Hà Nội 2
5. Chức vụ hiện tại (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Phó Trưởng Khoa, UV BCH Chi bộ
6. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ Chuyên ngành: Ngôn ngữ học
7. Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng: PGS.TS.GVCC
Giải thưởng: giảng viên giỏi NVSP do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT khen tặng
8. Điện thoại: 0982058702
9. Email: lethithuyvinh@hpu2.edu.vn

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

- Là cán bộ quản lý, Phó Trưởng Khoa, bản thân tôi luôn giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, trung thành với đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Không ngừng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của tập thể, sự nghiệp giáo dục lên trên lợi ích cá nhân.
- Có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, lối sống giản dị, lành mạnh, gần gũi với đồng nghiệp và học trò. Luôn giữ vững vai trò là tấm gương sáng về sự tự học, trung thực và trách nhiệm.

2. Uy tín về chuyên môn, ảnh hưởng rộng rãi trong ngành, lĩnh vực hoặc cấp tỉnh.

Với vai trò là Phó Trưởng Khoa phụ trách công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi đã triển khai nghiêm túc các quy định quản lý giảng viên, người lao động và người học. Đảm bảo mọi hoạt động tại Khoa Ngữ văn được vận hành thống nhất, tuân thủ đúng quy chế và định hướng chung của nhà trường. Tổ chức triển khai việc cải tiến chất lượng CTĐT CN SP Ngữ văn và CN Việt Nam học, biên soạn đề cương chi tiết các môn học. Tổ chức thực hiện các đề án cải tiến phương pháp giảng dạy và đổi

mới kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực. Kết quả cuối cùng là đảm bảo chuẩn đầu ra của sinh viên ngành Ngữ văn và Việt Nam học đáp ứng sát nhu cầu thực tế của thị trường lao động, đúng với cam kết của Khoa với nhà trường và xã hội. Đồng thời lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động NCKH, hợp tác quốc tế. Chủ động tìm kiếm, kết nối với các tổ chức liên quan đến ngành Ngữ văn và Việt Nam học, tạo điều kiện thuận lợi để đưa các bên liên quan cùng tham gia vào quá trình đào tạo, giúp sinh viên có thêm cơ hội tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp.

Với vai trò là giảng viên cao cấp, tôi đã tham gia giảng dạy đầy đủ, trách nhiệm các học phần được phân công; tham gia các hội đồng đánh giá khóa luận và luận văn, góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo của khoa. Chủ động hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, giúp người học làm quen với tư duy khoa học và công bố các kết quả nghiên cứu bước đầu. Không ngừng đổi mới phương pháp truyền đạt và cách thức kiểm tra, đánh giá nhằm giúp người học chủ động, tích cực hơn, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà trường. Ngoài ra, tôi cũng tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo để phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy tại khoa, là tác giả/đồng tác giả của nhiều công trình khoa học được cộng đồng học thuật đánh giá cao. Tôi thường xuyên được mời làm thành viên hội đồng đánh giá, phản biện các đề tài khoa học, luận án, luận văn chuyên ngành Ngôn ngữ học ở các cơ sở đào tạo. Tôi tích cực tham gia các hội thảo khoa học cấp quốc gia/quốc tế, góp phần xây dựng uy tín cho khoa và nhà trường.

3. Thành tích tiêu biểu, nổi trội, xuất sắc trong nuôi dạy, giảng dạy, giáo dục, quản lý

3.1. Đề tài KHCN cấp Bộ, sáng kiến cấp Bộ

a) Đề tài KHCN cấp Bộ

-Nghiệm thu 01 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ học đường trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay” (Mã số:B.2021.SP2.01) (chủ nhiệm đề tài) ngày 4/1/2024 Xếp loại: Đạt.

-Nghiệm thu 01 đề tài KHCN cấp Bộ “Phát triển năng lực tạo lập văn bản thông tin cho sinh viên sư phạm Ngữ văn” (Mã số: B.2020-SP2-03) (thành viên chính) ngày 22/11/2022. Xếp loại: Đạt

b) Sáng kiến cấp Bộ

- Năm học 2020-2021: Là tác giả của 04 sáng kiến cấp Bộ (2935/QĐ-BGDĐT)

1. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Vận động tạo từ, tạo nghĩa của từ ngữ kinh tế trong tiếng Việt hiện đại, NXB Khoa học xã hội (sách chuyên khảo)

2. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Borrowed Economic Terms in Vietnamese Linguistics, International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 14, Issue 12, 13-30 (Scopus Q2)

3. Lê Thị Thùy Vinh (2021), The Phenomenon of Standard Deviated Language of Student Communication and the Purity Preservation Issue of Vietnamese ,

International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 15, Issue 3, 2021, 193 – 206 (Scopus Q2).

4. Lê Thị Thùy Vinh (2021), The Phenomenon of Code-Mixing as Practised in Online Newspapers for Vietnamese Youth and the Issue of Preserving the Purity of Vietnamese, International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 15, Issue 5, 2021. (Scopus Q2).

- Năm học 2021 – 2022: là tác giả của 01 sáng kiến cấp Bộ

1. Lê Thị Thùy Vinh (2022), The Reality of Teaching Reading Comprehension of Lyric Poetry Texts in High Schools in Vietnam, Journal for Educators, Teachers and Trainers, Vol. 13 (2), 227– 235.

- Năm học 2022 – 2023: là tác giả của 02 sáng kiến cấp Bộ

1. Lê Thị Thùy Vinh (2022), Ngôn ngữ của giới trẻ trong xã hội hiện đại và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, Sách chuyên khảo, NXB Khoa học xã hội.

2. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Some Capacity Development Measures Making Information Texts for Students in High School in Vietnam. Journal for Educators, Teachers and Trainers, Vol. 14(1). 314-322.

- Năm học 2023 – 2024: là tác giả của 01 đề tài khoa học được công nhận cấp Bộ

1. Giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ học đường trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay, Đề tài KH&CN Cấp Bộ Mã số B.2021-SP2-01 (nghiệm thu xếp loại: Đạt vào ngày 4/1/2024)

3.2. Đề tài khoa học cấp cơ sở, sáng kiến cấp cơ sở, bài báo khoa học

3.2.1. Đề tài KHCN cấp cơ sở

- Nghiệm thu đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở “Dạy học đọc hiểu văn bản thơ ở trường phổ thông ở góc độ tín hiệu thẩm mỹ” (C.2020.SP2.02) (Chủ nhiệm đề tài). Nghiệm thu vào 16/7/2021. Xếp loại: Tốt.

- Nghiệm thu nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đặt hàng “Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn THPT đáp ứng chương trình GDPT 2018” (Thư kí nhiệm vụ). Nghiệm thu vào 14/1/2022. Xếp loại: Tốt.

- Đang triển khai đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở “Dạy học thành ngữ cho người nước ngoài học tiếng Việt” (HPU2.2022.UT.11) (Chủ nhiệm đề tài).

- Đang triển khai đề tài KHCN ưu tiên cấp cơ sở “Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh THPT chuyên theo chương trình GDPT 2018” (HPU2.2023.UT.20) (Thành viên chính).

- Đang triển khai nhiệm vụ KHCN đặt hàng cấp cơ sở “Đọc hiểu mở rộng văn bản Tiếng Việt ở trường Tiểu học đáp ứng chương trình GDPT 2018” (NV.2020.06) (Thành viên chính).

3.2.2. Sáng kiến cấp cơ sở

- Năm học 2020 – 2021: Là tác giả của 07 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở (QĐ số 1119 ngày 9 tháng 8 năm 2021)

- Năm học 2021 – 2022: Là tác giả của 06 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở

- Năm học 2022 – 2023: Là tác giả của 08 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở (QĐ số 1455 ngày 14 tháng 7 năm 2023)
- Năm học 2023 – 2024: Là tác giả của 09 sáng kiến cấp cơ sở (theo QĐ 1749/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 8 năm 20224), 01 đề tài khoa học cấp cơ sở (theo QĐ1750/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 8 năm 20224).
- Năm học 2024-2025: là tác giả của 07 sáng kiến cấp cơ sở.

3.2.3. Sách

a) Sách chuyên khảo

1. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Phân tích từ ngữ trong giảng dạy Môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông, NXB Khoa học xã hội, ISBN: 978-604-9964-88-6.
2. Lê Thị Thùy Vinh (2021), Vận động tạo từ, tạo nghĩa của từ ngữ kinh tế trong tiếng Việt hiện đại, NXB Khoa học xã hội, ISBN: 978-604-308-424-5.
3. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Ngôn ngữ của giới trẻ trong xã hội hiện đại và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội, ISBN: 978-604- 364-597-2.

b) Giáo trình

1. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2022), Văn bản – đọc hiểu và tạo lập, NXB Giáo dục Việt Nam, ISBN: 978-604-0-31890-9, viết từ 200-256.
2. Lê Thị Thùy Vinh (đồng chủ biên), Giáo trình Phong cách học tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn (đang triển khai).
3. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung), Giáo trình Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn (đang triển khai).

c) Sách tham khảo

1. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Cẩm nang thực hành tiếng Việt Ngữ văn 8, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-9928-093.
2. Lê Thị Thùy Vinh (đồng chủ biên) (2020), Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 12 theo chương trình GDPT 2018, NXB Giáo dục Việt Nam, ISBN: 978-604-0-22638-9.
3. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2020), Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 6 theo chương trình GDPT 2018, NXB Giáo dục Việt Nam, ISBN: 978-604-0-22632-7
4. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2022), Phát triển năng lực viết văn bản thông tin, NXB Khoa học xã hội ISBN: 978-604 -364 -138 -7
5. Lê Thị Thùy Vinh (đồng chủ biên) (2024), Cẩm nang thực hành tiếng Việt Ngữ văn 7 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB ĐHQG Hà Nội, tháng 7/2024, ISBN: 978-604-43-2259-9
6. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026) Cẩm nang kiến thức Ngữ văn THCS, NXB Giáo dục Việt Nam
7. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Cẩm nang kiến thức Ngữ văn THPT, NXB Giáo dục Việt Nam
8. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay kiến thức ngữ văn THCS, NXB Giáo dục Việt Nam

9. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 6, NXB Giáo dục Việt Nam
10. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 7, NXB Giáo dục Việt Nam
11. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 8, NXB Giáo dục Việt Nam
12. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 9, NXB Giáo dục Việt Nam
13. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 10, NXB Giáo dục Việt Nam
14. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 11, NXB Giáo dục Việt Nam
15. Lê Thị Thùy Vinh (viết chung) (2026), Sổ tay trọng tâm kiến thức Ngữ văn 12, NXB Giáo dục Việt Nam
16. Lê Thị Thùy Vinh (đồng chủ biên) (2026), Chuyên đề chuyên Văn 11, NXB Hà Nội.

3.2.4 Bài báo khoa học

-Công bố 05 bài báo quốc tế uy tín (Scopus, ESCI) (04: viết một mình; 01: tác giả chính); 19 bài báo quốc tế thường (07: viết một mình; 10: tác giả chính, 32 bài báo trong nước. (29: viết một mình; 03: tác giả chính)

a) Bài báo quốc tế uy tín (Scopus, ISI)

1. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Current status of awareness and use the phenomenon of students' language code-mixing and the issue of preserving the purity of the Vietnamese language, Journal of Asian Scientific Research Vol.14 No.3 (Scopus Q2)
2. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Studying Some Illegal Ways of Speaking in Vietnamese Life on the Basis of Pragmatic Theory, International Journal of Religion, Volume 5, Number 9, pp. 164-169 (Scopus Q3)
3. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Code Mixing Phenomena in Vietnam Electronic Newspaper, Journal of Language Teaching and Research ISSN: 2053-0684, Vol.15 No.4. (Scopus Q1)
4. Lê Thị Thùy Vinh (2022), The Reality of Teaching Reading Comprehension of Lyric Poetry Texts in High Schools in Vietnam, Journal for Educators, Teachers and Trainers, Vol. 13 (2), 227– 235.
5. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Some Capacity Development Measures Making Information Texts for Students in High School in Vietnam, Journal for Educators, Teachers and Trainers, Vol. 14(1). 314-322.
6. Lê Thị Thùy Vinh (2026), The Current State of Idiom Teaching at Vietnamese Language Training Centers for Foreigners, Edelweiss Applied Science and Technology (ISSN: 2576-8484) (Q3 Scopus có xác nhận đăng)

b) Bài báo quốc tế thường (có chỉ số ISSN)

1. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Borrowed Economic Terms in Vietnamese Linguistics, International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 14, Issue 12, 13-30
2. Lê Thị Thùy Vinh (2021), The Phenomenon of Standard Deviated Language of Student Communication and the Purity Preservation Issue of Vietnamese , International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 15, Issue 3, 193 – 206.
3. Lê Thị Thùy Vinh (2021), The Phenomenon of Code-Mixing as Practised in Online Newspapers for Vietnamese Youth and the Issue of Preserving the Purity of Vietnamese, International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 15, Issue 5
4. Lê Thị Thùy Vinh (2021), Survey of the Current Situation of Linguistic Students' Informational Text Competence in Vietnam, International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 15, Issue 4.
5. Lê Thị Thùy Vinh (2022), The teaching process of summarizing literary texts for students in grades 4 and 5 in Vietnam's primary schools, American Research Journal of Humanities & Social Science (ARJHSS), Volume-05, Issue-02, pp-17-20.
6. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Methods for Developing Student's Communication Skills through Vietnamese class 1,2,3, American Research Journal of Humanities & Social Science, ISSN: 2378-702X, Volume-06, Issue-04, pp-30-34.
7. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Errors in Using Words of Vietnamese Students and Solutions to Overcome Them, American Research Journal of Humanities & Social Science, ISSN: 2378-702X, Volume-06, Issue-04, pp 01-05.
8. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Slang of Vietnamese Youngers and Keeping the Purity of Vietnamese, International Journal of Arts and Social Science , ISSN: 2581-7922, Volume 6, Issue 6, pp 107 – 114
9. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Idiom Teaching Exercise System for Foreigners at the Intermediate Level, International Journal of Latest Research in Humanities and Social Science, ISSN: 2456-0766, Volume 06 - Issue 09, pp 259-264.
10. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Building an Idiomatic Data System Teaching Vietnamese for Foreigners, International Journal of Social Science and Human Research, ISSN: 2644-0695, Volume 07 Issue 04, pp 2472-2478
15. Lê Thị Thùy Vinh (2025), Teaching Vietnamese Idioms in Relation to Vietnamese Communication Etiquette, UKR Journal of Arts, Humanities and Social Sciences. 8/2025
16. Lê Thị Thùy Vinh (2025), Teaching Idioms in Relation to Communicative Contexts, UKR Journal of Arts, Humanities and Social Sciences. 8/2025
17. Lê Thị Thùy Vinh (2025), The Symbols of The Moon and Water in Literary Texts in Secondary and High School Textbooks, Journal of Multidisciplinary Studies ISSN: 2584-0452 (Online) Volume 3, Issue 3, 2025, pp 33 – 39.
18. Lê Thị Thùy Vinh (2026), "The symbolism of clothing in Vietnamese New Poetry". International Journal of Social Science and Humanities, ISSN: 2664-8628. Volume 8, Issue 1, 2026, Pages 33-36

19. Nguyen Thi Minh Phuong "The lexical system in Nguyen Ngoc Tu's short story collection "The Endless Field" from the perspective of ecolinguistics". International Journal of Social Science and Humanities, Vol 8, Issue 2, 2026, Pages 121-126

c) Bài báo trong nước

1. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Một số yếu tố ngữ âm trong việc xây dựng tín hiệu thẩm mỹ của ngôn ngữ thơ ca, Tạp chí khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội, tháng 8, tr 109 -118.
2. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Quy trình dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong SGK THPT từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ, Tạp chí khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội, tháng 9, tr3-13.
3. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Kết hợp từ ngữ bất thường – một dạng tín hiệu thẩm mỹ đặc biệt trong ngôn ngữ thơ ca, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 9 (302), tr93-101.
4. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại, Tạp chí ĐH Sài Gòn, số 69.
5. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Thành ngữ, cách ngôn trong giáo dục và đào tạo trên bình diện văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, Tạp chí Khoa học Đại học Vinh, tập 49 – số 3B.
6. Lê Thị Thùy Vinh (2021), Về một kiểu ngôn ngữ hot trend của giới trẻ hiện nay, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư, số 1 (69) 1/2021.
7. Lê Thị Thùy Vinh, Dương Thị Quỳnh Oanh (2020), Application of Pragmatics Theory to Explain Several Illogical Ways of Speaking in Life of Vietnamese People, Kỉ yếu Hội thảo Quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa và văn học, Nhà xuất bản Giáo dục.
8. Đỗ Thị Thu Hương, Lê Thị Thùy Vinh, Đỗ Thị Hiên (2020), The Role of Linguistic Knowledge in Reading Comprehension Text, Kỉ yếu Hội thảo Quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa và văn học, Nhà xuất bản Giáo dục.
9. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Một số vấn đề về việc xây dựng từ điển thành ngữ, cách ngôn tiếng Việt hiện đại, Kỉ yếu Hội thảo Quốc gia Từ điển học và Bách khoa thư học Việt Nam, lí luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Dân trí.
10. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Học và hiểu từ tiếng Việt trên cơ sở văn hóa Việt, Kỉ yếu Hội thảo quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học, Trường ĐHSP Hà Nội, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
11. Lê Thị Thùy Vinh (2020), Đặc điểm ngôn ngữ của giới trẻ trên kênh 1977 Vlog, Kỉ yếu hội thảo Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường ĐHSP toàn quốc lần thứ VIII – 2020.
12. Lê Thị Thùy Vinh (2021), Văn hóa học đường trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập, Hội thảo quốc gia giáo dục Việt Nam Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo.
13. Lê Thị Thùy Vinh (2021), Hiện tượng trộn mã ngôn ngữ của giới trẻ và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, Ngôn ngữ và đời sống, số 12 (320) tr24.
14. Lê Thị Thùy Vinh, Trần Thu Huyền, Nguyễn Thị Thanh (2022), Hiện tượng trộn mã ngôn ngữ trong nhan đề bài báo điện tử, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội.

15. Lê Thị Thùy Vinh, Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Thị Thu Hà (2021), Tiếp cận văn bản thơ trữ tình trong SGK Ngữ văn THPT từ lí thuyết hàm ẩn tiền giả định, Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế các nhà khoa học trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ nhất, tr196
16. Lê Thị Thùy Vinh (2022), Ngôn ngữ tiếng Việt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, ngôn ngữ thương mại.
17. Lê Thị Thùy Vinh, Ngô Thị Thủy (2022), Tiếng lòng của giới trẻ trên kênh14.vn, Kỉ yếu hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường ĐHSP toàn quốc lần thứ 9.
18. Lê Thị Thùy Vinh, Nguyễn Thị Hương, Dương Thị Quỳnh Oanh (2022), Giảng dạy nghi thức giao tiếp ngôn ngữ của người Việt cho người nước ngoài học tiếng Việt, Tạp chí khoa học Trường ĐHSP Hà Nội 2, tháng 6.
19. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Biểu thức đa chiều vật “nước” trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương, yếu hội thảo khoa học quốc tế “Hồ Xuân Hương - danh nhân văn hóa, thi hào tâm vóc và giá trị di sản”, NXB Nghệ An, ISBN: 978-604-376-186-3, Tr 753 - 759
20. Lê Thị Thùy Vinh (2023) Thực trạng sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt hiện nay , Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Bước đầu bàn về nội dung quản lí nhà nước về tiếng Việt, NXB Đại học sư phạm, tháng 12/2023.
21. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Hiện tượng ghép lai trong từ ngữ của giới trẻ hiện nay và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Dạy học tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, NXB Tri thức, tr859.
22. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Ngôn ngữ phê bình của Chu Văn Sơn qua “Đa mang một cõi lòng không yên định”, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Dạy học tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, NXB Tri thức, tr866.
23. Lê Thị Thùy Vinh (2023), Biểu tượng nghệ thuật trong thơ Văn Cao, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Dạy học tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, NXB Tri thức, ISSN: 978-604-340-977-2, Tr 871-877
24. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Đặc điểm ngôn ngữ quảng cáo trực tuyến trên mạng xã hội Facebook, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư, số 2 (88), 3/2024.
25. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Từ quan điểm Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt của Hoàng Tuệ đến những yêu cầu giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt hiện nay. Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Giáo sư Hoàng Tuệ Ngôn ngữ trong đời sống xã hội, NXB Dân trí, Hà Nội, tr598

26. Lê Thị Thùy Vinh (2024), Giảng dạy ngữ cố định cho người nước ngoài học tiếng Việt, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống số 6A (354)
27. Lê Thị Thùy Vinh (2025), Bảo tồn và phát triển tiếng Việt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam – Hội nhập và phát triển, NXB Thế giới, ISBN: 9786047799824
28. Lê Thị Thùy Vinh (2025), Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo (AI) đối với việc rèn luyện kĩ năng viết của sinh viên ngành Ngữ văn, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nguồn lực trong nền kinh tế số, NXB Nghệ An.
29. Lê Thị Thùy Vinh (2025), Xây dựng hệ thống ngữ liệu thành ngữ trong dạy học tiếng Việt trình độ trung cấp và cao cấp cho người nước ngoài, Hội thảo quốc tế “Trí tuệ nhân tạo và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Lê Thị Thùy Vinh (2025), Phân tích một số Poster phim điện ảnh Việt Nam từ lí thuyết ngữ pháp hình ảnh, Kỉ yếu Hội thảo quốc tế Ngôn ngữ học chức năng và vấn đề đa phương thức, Hà Nội
31. Lê Thị Thùy Vinh (2026), Ngôn ngữ trữ tình, triết luận trong “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh, Sách chuyên khảo “Người lính chiến tranh tiếp cận diễn ngôn Văn học Việt Nam hiện đại” ISBN: 978-632-617-979-8
32. Lê Thị Thùy Vinh (2026), Ứng dụng Chat GPT để xây dựng ngữ liệu dạy học đọc hiểu và đánh giá kết quả đọc hiểu trong môn Tiếng Việt cấp Tiểu học Kỉ yếu Hội thảo KH cấp trường Dạy và học ở tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thành tích khác:

-Hướng dẫn SV NCKH: Hướng dẫn 03 sinh viên thực hiện thành công đề tài NCKH cấp Trường; 04 SV đạt giải thưởng NCKH cấp Trường

- Hướng dẫn 10 học viên bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

- Hướng dẫn 35 sinh viên bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp

- Giờ lao động:

2020-2021: thực hiện: 499,3 giờ (vượt chuẩn 229,3 giờ)

2021-2022: thực hiện 761,4 giờ vượt chuẩn 521,4 giờ)

2022-2023: thực hiện 791 giờ, vượt chuẩn 551 giờ)

2023-2024: thực hiện 662,3 giờ, vượt chuẩn: 494,3 giờ)

2024-2025: thực hiện 665,5 giờ, vượt chuẩn: 455,5

2025-2026: thực hiện

- Giờ nghiên cứu khoa học:

2020-2021: thực hiện 1743,61, vượt chuẩn 1658,61

2021-2022: thực hiện 1070,63, vượt chuẩn 970,63

2022-2023: thực hiện 1353,56, vượt chuẩn 1225,56

2023-2024: thực hiện 1541,83, vượt chuẩn 1429,83

2024-2025: thực hiện 937,33; vượt chuẩn 737,33

2025-2026: thực hiện 1235; vượt chuẩn 1035

4. Tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội, phục vụ cộng đồng, vì sự nghiệp giáo dục và đào tạo

-Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Khoa tổ chức nhiều hoạt động, phong trào để xây dựng khối đoàn kết nội bộ.

-Tích cực tham gia các hoạt động Công đoàn như tham gia báo cáo tại Hội thảo “Vai trò của công đoàn trong văn hóa ứng xử học đường” Khối thi đua số 3; Tham gia Hội thảo “Chuyển động số của các trường trong cuộc cách mạng 4.0” của Khối thi đua số 3.

-Nhiều năm liên tục đều đạt danh hiệu “Giỏi việc trường – đảm việc nhà” cấp cơ sở.

5. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tiêu biểu trong 05 năm liền kề.

a) Danh hiệu thi đua

ST T	Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2	2020 - 2021	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 27/9/2021
3	2021- 2022	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 1872/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 20/ 9 /2022
4	2021-2022	Chiến sĩ thi đua cấp bộ	Quyết định số: 3105/QĐ- BGDĐT Ngày 20/10/2022
5	2022-2023	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 1799/ QĐ-ĐHSPHN2 ngày 24/8/2023
6	2023 - 2024	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 2437/ QĐ-ĐHSPHN2 ngày 19/11/2024
7	2025-2026	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (đang đề nghị)	

b) Hình thức khen thưởng

STT	Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
1	2020	Giấy chứng nhận danh hiệu Giỏi việc trường – Đảm việc nhà giai đoạn 2016 – 2020 do Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng	Số quyết định 246/ QĐ- CDN ngày 01/09/2020
	2020	Bằng khen Đoàn viên Công đoàn có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn do BCH Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng	Số quyết định 220/ QĐ- CDN Ngày 18/8/2020
	2020	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi giai đoạn 2016 - 2020	Số quyết định 2008 – QĐ/TĐTN-VP ngày 17/3/2021

	2020	Bằng khen đạt giải Nhất nội dung thi Hùng biện và Kế hoạch thiết kế hoạt động giáo dục cộng đồng Hội thi giảng viên giỏi NVSP toàn quốc lần thứ nhất năm 2020 do Bộ trưởng Bộ GD và ĐT tặng.	Quyết định số 3711/ QĐ – BGD ĐT ngày 14/11/2020
	2020	Giấy chứng nhận danh hiệu giảng viên giỏi NVSP do Bộ trưởng Bộ GD và ĐT tặng	Quyết định số 3710/ QĐ – BGD ĐT ngày 14/11/2020
	2021	Bằng khen của Bộ Giáo dục và đào tạo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021	Quyết định số 4071/QĐ-BGD ĐT ngày 08/11/2021
	2021	Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	Quyết định số 3077/QĐ-TLĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021.
	2023	Kỉ niệm chương Vì thế hệ trẻ	Số 214/ TWĐTN -VP
	2022	Giấy khen đã có thành tích tiêu biểu trong công tác NCKH	Quyết định số 2476- ĐHSP HN2 ngày 16/11/2022.
	2023	Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác NCKH năm học 2022 - 2023	Số 952 /QĐ –ĐHSP HN2 ngày 16/5/2023
	2023	Bằng khen của Bộ GD&ĐT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023	Số 4324/QĐ –BGDĐT ngày 15/12/2023
	2025	Giấy khen cho viên chức đã đạt chuẩn và được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư năm 2024	Số /QĐ-ĐHSPHN2 ngày 1/2025

TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH



Bùi Minh Đức



Lê Thị Thùy Vinh

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ĐỀ CỬ
HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Quang Huy

